

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NHƯ QUẢNG

**LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC
CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

Mã số: 9310102

HÀ NỘI – 2025

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh



PGS.TS. Phạm Tài Thủy

Người hướng dẫn khoa học:
PGS,TS. NGUYỄN MINH QUANG



Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Trọng Xuân
Học viện Chính trị, Bộ Quốc Phòng

Phản biện 2: PGS.TS. Phan Minh Đức
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phản biện 3: PGS.TS. Trần Hoa Phụng
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
vào hồi 09 giờ 00 ngày 04 tháng 10 năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc Gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tình cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và các công ty dệt may nói riêng, đều hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Tuy nhiên, nếu theo đuổi mục tiêu này một cách cực đoan, sẽ dẫn tới xu hướng doanh nghiệp tối thiểu hóa chi phí sản xuất bằng mọi giá như cắt giảm chi phí tiền lương, phúc lợi, bảo hiểm và an toàn, vệ sinh lao động... Hệ quả là lợi ích kinh tế của người lao động bị ảnh hưởng và làm suy giảm động lực trực tiếp của lợi ích kinh tế trong thúc đẩy người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất và sự phát triển bền vững của các công ty dệt may. Để giải quyết mâu thuẫn trên, đặt ra yêu cầu phải thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế giữa chủ sở hữu công ty dệt may với người lao động. Vì vậy, dưới góc độ lý luận, việc nghiên cứu và áp dụng cơ chế thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế là rất cần thiết, qua đó góp phần giải quyết được mâu thuẫn và tạo nên sự thống nhất trong quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và chủ sở hữu công ty dệt may.

Hiện nay, Việt Nam là quốc gia có nền kinh tế đang phát triển, trình độ sản xuất còn thấp, nguồn lao động dồi dào nhưng chủ yếu chưa qua đào tạo. Trong đường lối CNH, HĐH thời kỳ đổi mới đất nước, Nhà nước rất quan tâm đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong đó có ngành công nghiệp dệt may. Trải qua gần 40 năm đổi mới đất nước đã chứng minh ngành dệt may đã có những đóng góp rất lớn vào việc gia tăng quy mô kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động. Trong đó, tỉnh Ninh Bình là địa phương có truyền thống và thế mạnh phát triển ngành dệt may, đặc biệt là trên địa bàn tỉnh Nam Định cũ. Ngành dệt may của tỉnh trong thời gian qua đã không ngừng nâng cao năng suất lao động, cải thiện năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô sản xuất, từng bước hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu. Qua đó, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Trên nền tảng phát triển đó, các công ty dệt may từng bước thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động như tăng thu nhập, tạo việc làm ổn định, thực hiện bảo hiểm theo luật định và đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.

Tuy nhiên, hiện nay thu nhập trung bình của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình còn thấp, cụ thể là trên địa bàn tỉnh Nam Định cũ chỉ đạt 9,7 triệu đồng/tháng. Mức thu nhập này thấp hơn so với thu nhập trung bình của lao động dệt may cả nước và thu nhập của người lao động trong lĩnh vực chế biến, chế tạo và mức lương đủ sống do Liên minh sản lương châu Á (AFWA) tính cho người lao động dệt may ở Việt Nam là 12,4 triệu đồng/người/tháng. Tỷ lệ giữa tốc độ tăng trưởng thu nhập của người lao động so với tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận đạt 55,4%. Tỷ lệ giữa chi phí lao động với doanh thu của công ty dệt may cũng rất thấp chỉ đạt 18,14%. Điều này phản ánh quan hệ phân phối chưa hợp lý, dẫn tới lợi ích kinh tế của người lao động chưa đạt được như kỳ vọng. Trạng thái quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và chủ sở hữu công ty dệt may có những thời điểm chưa hài hòa, còn xảy ra mâu thuẫn, xung đột về lợi ích kinh tế. Hậu quả là đình công, ngưng việc tập thể ngày càng gia tăng về số lượng và mức độ phức tạp của vụ việc. Từ đó, làm giảm vai trò động lực trực tiếp của lợi ích kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty dệt may và gây mất trật tự an toàn xã hội và ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường đầu tư, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Chính vì vậy, nghiên cứu lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu góp phần xây dựng quan hệ lợi ích kinh tế hài hòa, ổn định và bền vững giữa người lao động với chủ sở hữu công ty dệt may. Từ đó, phát huy mạnh mẽ vai trò động lực trực tiếp của lợi ích kinh tế để thúc đẩy ngành công nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh phát triển theo hướng bền vững, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, nâng cao giá trị sản phẩm và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá

trị toàn cầu. Do đó, đề tài: ***Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình*** được nghiên cứu sinh lựa chọn làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Góp phần bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may. Cụ thể là làm rõ vai trò động lực trực tiếp của lợi ích kinh tế trong thúc đẩy người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của các công ty dệt may. Trên cơ sở đó, làm sáng tỏ thực trạng và đề xuất quan điểm, giải pháp thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, luận án có các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã được công bố, chỉ ra những nội dung đã được luận giải và những vấn đề chưa được đề cập hoặc đã được đề cập nhưng chưa đầy đủ. Từ đó, làm rõ khoảng trống khoa học mà luận án cần phải tập trung nghiên cứu.

- Xây dựng khung lý luận về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may theo hướng tiếp cận của khoa học Kinh tế chính trị. Đồng thời, nghiên cứu kinh nghiệm của một số tỉnh/thành phố trong nước và ngoài nước về thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may. Qua đó, rút ra bài học kinh nghiệm, có ý nghĩa tham khảo đối với tỉnh Ninh Bình hiện nay.

- Phân tích thực trạng lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình, với phạm vi nghiên cứu là tỉnh Nam Định cũ. Từ đó, đánh giá những kết quả đã đạt được, chỉ ra hạn chế và lý giải nguyên nhân của hạn chế.

- Từ những hạn chế đã được chỉ ra và đặt trong bối cảnh mới, luận án đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may trên địa bàn cấp tỉnh và được nghiên cứu cụ thể ở tỉnh Ninh Bình. Dưới góc độ khoa học Kinh tế chính trị có thể hiểu: Lợi ích kinh tế thuộc phạm trù phân phối là một trong ba mặt của quan hệ sản xuất và bốn khâu của quá trình tái sản xuất. Trong đó, sản xuất là khâu quyết định còn phân phối có tính độc lập tương đối tác động trở lại đối với sản xuất.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

*** Phạm vi nội dung**

Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may rất đa dạng, vì vậy luận án tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản như: Thu nhập, việc làm, bảo hiểm theo luật định và an toàn, vệ sinh lao động. Bởi vì, đây là những lợi ích kinh tế cơ bản, được quy định rõ ràng, cụ thể trong hệ thống pháp luật hiện hành và có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người lao động trong các công ty dệt may.

*** Phạm vi không gian**

Tại Kỳ họp thứ 9 ngày 12/06/2025, Quốc hội khóa 15 đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Hà Nam, tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Ninh Bình. Theo Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025 ban hành

ngày 16/06/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sắp xếp tỉnh Nam Định cũ thành 57 các xã, phường.

Nghiên cứu lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may luận án lựa chọn tỉnh Ninh Bình (mới) là để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với bối cảnh sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh. Tuy nhiên, do tỉnh Ninh Bình (mới) có diện tích rộng, vì vậy luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu thực tế trong địa giới hành chính của tỉnh Nam Định (cũ), tính đến trước ngày 01/7/2025. Cách xác định như vậy nhằm bảo đảm tính nhất quán, đồng bộ và độ tin cậy của nguồn số liệu nghiên cứu. Mặt khác, tỉnh Nam Định (cũ) trước đây là địa phương có truyền thống lịch sử phát triển ngành công nghiệp dệt may, với số lượng lớn doanh nghiệp và người lao động nên có tính đại diện cao. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may cho không gian tỉnh Ninh Bình mới hiện nay.

Mặt khác, luận án chỉ tập trung nghiên cứu lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may tư nhân trong nước và công ty dệt may FDI tham gia sản xuất kinh doanh tại các công đoạn dệt và may trong chuỗi giá trị trong phạm vi địa bàn tỉnh Nam Định cũ. Bởi vì, các công ty này chiếm 99% tổng số các công ty dệt may ở trên địa bàn tỉnh và thường xảy ra xung đột, mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa người lao động với người sử dụng lao động. Ngoài ra, việc lựa chọn này còn giúp luận án tập trung phân tích nhóm người lao động có những đặc điểm chung, từ đó xác định được bản chất của lợi ích kinh tế của người lao động.

*** Phạm vi thời gian**

Luận án nghiên cứu lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình, với phạm vi nghiên cứu được giới hạn ở tỉnh Nam Định cũ giai đoạn 2012 - 2022. Bởi vì, đây là giai đoạn chứng kiến sự phát triển bứt phá của ngành dệt may ở tỉnh Nam Định cũ trên nhiều mặt như: Cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng chú trọng sản xuất các sản phẩm có giá trị cao, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu và có đóng góp lớn vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Hơn nữa, giai đoạn này chứng kiến nhiều sự thay đổi về chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển công nghiệp, lao động, việc làm, bảo hiểm, an toàn, vệ sinh lao động... Những thay đổi này không chỉ thúc đẩy ngành dệt may phát triển mà còn tác động rất lớn đến lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án khi nghiên cứu lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may là lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về lợi ích kinh tế và quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện của Đảng bộ tỉnh Nam Định cũ. Ngoài ra, luận án còn căn cứ vào chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm, an toàn, vệ sinh lao động, cũng như chính sách, pháp luật về phát triển ngành dệt may; các lý luận kinh tế tiêu biểu về lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

*** Phương pháp trừu tượng hóa khoa học**

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học được sử dụng chủ yếu trong chương 1, chương 2 của luận án, giúp luận án xác định được nội dung lợi ích kinh tế cơ bản của người lao động trong công ty dệt may như thu nhập, việc làm, tham gia bảo hiểm theo luật định, an toàn, vệ sinh lao động. Xác định được tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may, góp phần loại bỏ các yếu tố không bản chất và đơn giản hóa các quan hệ phức tạp trong nghiên cứu.

*** Phương pháp logic kết hợp với lịch sử**

Phương pháp này được sử dụng phổ biến trong chương 3 của luận án. Qua đó, giúp phân tích quá trình thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2012 - 2022,

đặt trong mối liên hệ với các sự kiện về kinh tế, chính trị và hội nhập kinh tế quốc tế... Từ đó, rút ra được những kết luận mang tính bản chất về lợi ích kinh tế và dự báo xu hướng phát triển lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may trong tương lai.

** Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu và định lượng*

Phương pháp thu thập tài liệu và số liệu được sử dụng trong chương 3 của luận án. Về thu thập số liệu sơ cấp luận án sử dụng phương pháp điều tra ngẫu nhiên phân tầng để thu thập thông tin về lợi ích kinh tế của người lao động. Trong đó, tổng số người lao động trong các công ty dệt may tính đến năm 2022 là 133.519 người. Vì vậy, quy mô mẫu sẽ được xác định theo công thức Slovin. Cụ thể là:

$$n = \frac{N}{(1+e^2N)} = \frac{133.519}{(1+0,06^2 \cdot 133.519)} = 277$$

n: Quy mô mẫu; N: Quy mô tổng thể

e: Sai số cho phép (0,06)

Quy mô mẫu là 277 người lao động được khảo sát bằng hình thức Google Biểu mẫu. Thời gian tiến hành khảo sát người lao động trong các công ty dệt may trên địa bàn tỉnh Nam Định cũ vào năm 2023. Trong đó, luận án khảo sát 138 người lao động tại 15 công ty dệt may tư nhân trong nước và 139 người lao động tại 15 công ty dệt may FDI. Địa bàn luận án thực hiện khảo sát là các khu công nghiệp Bảo Minh, Hòa Xá, Mỹ Trung và ở một số huyện như Vụ Bản, Ý Yên, Giao Thủy, Xuân Trường, Mỹ Lộc, Nam Trực và thành phố Nam Định (hiện nay là các xã Liên Minh, Vụ Bản, Vũ Dương, Xuân Hưng, Hải Xuân, Giao Thủy, Ý Yên, Trực Ninh và các phường Trường Thi, Thành Nam, Thiên Trường, Đông A, Nam Định).

Đối tượng người lao động luận án tập trung khảo sát là công nhân sản xuất, công nhân kỹ thuật, nhân viên văn phòng, người lao động là quản lý (Tổ trưởng sản xuất, Quản đốc, Trưởng, phó phòng chuyên môn). Trên cơ sở kết quả khảo sát, luận án sử dụng các hàm excel để xử lý số liệu phục vụ cho phân tích, đánh giá thực trạng lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may. Ngoài ra, luận án sử dụng phương pháp tài liệu thứ cấp, kế thừa các tài liệu về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may, đã được thu thập và công bố bởi các tổ chức trong và ngoài nước. Các tài liệu bao gồm báo cáo thống kê, tổng quan ngành từ cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ, cơ sở dữ liệu trực tuyến và các trang tin tức. Các số liệu này được chọn lọc, trích dẫn rõ ràng và xử lý phục vụ cho nghiên cứu.

Đề tài luận án tiếp cận dưới góc độ khoa học Kinh tế chính trị nhưng cũng đã vận dụng ở mức độ thích hợp phương pháp nghiên cứu định lượng, chủ yếu là mô tả và so sánh tương quan để làm rõ thực trạng thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình. Ở cấp độ mô tả, luận án không chỉ dừng ở việc liệt kê số liệu mà còn sử dụng các công cụ thống kê mô tả như tính toán tỷ lệ phần trăm, tần suất, giá trị trung bình, tốc độ tăng trưởng... để lượng hóa các nội dung của lợi ích kinh tế của người lao động. Ở cấp độ so sánh tương quan, luận án đối chiếu giá trị trung bình về lợi ích kinh tế giữa các nhóm người lao động và giữa các nhóm công ty dệt may theo những tiêu chí khác nhau. Cách tiếp cận này giúp làm rõ sự khác biệt và nhận diện các mâu thuẫn lợi ích kinh tế giữa các nhóm lao động, cũng như giữa người lao động và chủ sở hữu công ty dệt may.

** Phương pháp phân tích, tổng hợp*

Phương pháp này được sử dụng phổ biến trong nội dung các chương của luận án. Phương pháp phân tích được sử dụng để làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng, còn phương pháp tổng hợp nhằm khái quát hóa hệ thống lý luận về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may. Cả hai phương pháp này còn được sử dụng để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Đóng góp về lý luận

Dưới góc độ tiếp cận của khoa học Kinh tế chính trị, luận án góp phần làm rõ khung lý luận về lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may, trong bối cảnh mới của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế.

5.2. Đóng góp về thực tiễn

Thứ nhất, luận án làm rõ thực trạng thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình. Từ đó, chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế, xác định nguyên nhân của những hạn chế.

Thứ hai, đề xuất giải pháp gắn với từng chủ thể có chức năng, nhiệm vụ và vai trò khác nhau trong thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. Ý nghĩa khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án góp phần làm sâu sắc thêm những vấn đề lý luận về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu của luận án được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý nhà nước; tài liệu tham khảo cho các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trong giảng dạy Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án bao gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TIÊU BIỂU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình tiêu biểu nghiên cứu về lợi ích kinh tế

1.1.1.1. Nghiên cứu về nguồn gốc, bản chất và đặc điểm của lợi ích kinh tế

Nghiên cứu về nguồn gốc, bản chất và đặc điểm của lợi ích kinh tế tiêu biểu có các công trình của tác giả như: Ju.K.Pletnicov (1981), “*Lý luận phản ánh của Lênin dưới ánh sáng của sự phát triển khoa học và thực tiễn*”; V.P.Camankin (1982), “*Các lợi ích kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội*”, Đào Duy Tùng & cộng sự (1982), “*Bàn về ba lợi ích kinh tế*”; Đỗ Nhật Tân (1991), “*Vai trò động lực của lợi ích kinh tế đối với sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*”; Phạm Thị Thương (2018), “*Lợi ích kinh tế của người lao động trong các doanh nghiệp tư nhân ở tỉnh Thừa Thiên Huế*”; Nguyễn Văn Hòa (2019), “*Đảm bảo lợi ích kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp của hộ nông dân ở tỉnh Tuyên Quang*”; Hoàng Thị Thịnh (2023), “*Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”; Lâm Thị Phụng (2023), “*Lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội*”.

1.1.1.2. Nghiên cứu về vai trò, nội dung biểu hiện và mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế với các lợi ích khác

Nghiên cứu về vai trò, nội dung biểu hiện và mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế với các lợi ích khác tiêu biểu có các công trình của tác giả như: Philip Kotler (2021), “*Đổi mới tư bản*”; Nguyễn Duy Hùng (1988), “*Bàn về sự hình thành và kết hợp các lợi ích kinh tế trong nông nghiệp tập thể*”; Vương Đình Cường (1992),

“Lợi ích kinh tế nông dân ở nước ta hiện nay”; Phạm Văn Dung (1993), “Особенности и путь реализации экономических интересов в переходном обществе” (Đặc điểm và cách thức thực hiện lợi ích kinh tế trong một xã hội chuyển đổi); Ung Thị Minh Lê (1996), “Hệ thống lợi ích kinh tế và các quan hệ phân phối trong việc thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam”; Đặng Quang Định (2011), “Thống nhất lợi ích kinh tế giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”; C. Mirjam van Praag và Peter H. Versloot (2008), “The Economic Benefits and Costs of Entrepreneurship: A Review of the Research” (Lợi ích kinh tế và chi phí khởi nghiệp: Tổng quan nghiên cứu); Glen Weisbrod và David Simmonds (2011), “Defining economic impact and benefit metrics from multiple perspectives: lessons to be learned from both sides of the Atlantic” (Định nghĩa các thước đo tác động và lợi ích kinh tế từ nhiều góc độ: bài học rút ra từ cả hai phía Đại Tây Dương).

1.1.2. Các công trình tiêu biểu nghiên cứu về lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Nghiên cứu về nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp

Nghiên cứu về nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp tiêu biểu có các công trình của các tác giả như: Phạm Thị Xuân Phương (2008), “Lợi ích kinh tế của công nhân trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại miền Đông Nam Bộ hiện nay”; Lê Xuân Thủy (2013), “Lợi ích của công nhân trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay”; Phạm Thị Thương (2018), “Lợi ích kinh tế của người lao động trong các doanh nghiệp tư nhân ở tỉnh Thừa Thiên Huế”; Đặng Minh Khoa (2022), “Bảo đảm lợi ích kinh tế của người lao động trong các khu công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh”; Sara R. Collins, Karen Davis, Michélie M. Doty, and Alice Ho (2004), “Wages, health benefits, and workers’ health” (Tiền lương, phúc lợi y tế, và sức khỏe của người lao động); Elaine Ditsler, Peter Fisher, and Colin Gordon (2005), “The substandard benefits of workers in part-time, temporary, and contract job” (Các phúc lợi của người lao động trong công việc bán thời gian và công việc hợp đồng tạm thời)...

1.1.2.2. Nghiên cứu về thực trạng và giải pháp thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp

Nghiên cứu về thực trạng và giải pháp thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp tiêu biểu có các công trình của các tác giả như: Michael Piore and Charles Sabel (1984), “The Second Industrial Divide: Possibilities for Prosperity” (Sự phân chia công nghiệp lần thứ hai: Khả năng và thịnh vượng); Richard Freeman and James Medoff (1984), “What Do Unions Do?” (Vai trò của công đoàn là gì?); Nguyễn Thị Minh Loan (2015), “Lợi ích kinh tế của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Đặng Minh Khoa (2022), “Bảo đảm lợi ích kinh tế của người lao động trong các khu công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh”; Daiji Kawaguchi, Jungmin Lee, Daniel S. Hamermesh (2014), “Does labour legislation benefit workers? Well-Being after an hours reduction” (Luật lao động có tác động đến quyền lợi kinh tế của người lao động không? Sự phát triển thịnh vượng sau khi giảm thời gian làm việc); Dr. Ckgomathy, Mr. D. Sravan Kumar, Mr. Ch. Manoj Kumar, Mr. Ch Venkata Mohith (2022) “Social and economic benefits of workers in industrial cooperative” (Lợi ích kinh tế xã hội của người lao động trong hợp tác xã công nghiệp).

1.1.3. Các công trình tiêu biểu nghiên cứu lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may

1.1.3.1. Nghiên cứu về nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may

Về nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may tiêu

biểu có các nghiên cứu của các tác giả như: Phạm Thị Liên (2001), “*Nghiên cứu thống kê thu nhập của lao động ngành dệt may*”; Đỗ Thị Vân Anh (2011), “*Mức độ đoàn kết và xung đột giữa các thành viên trong doanh nghiệp hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tại công ty May Đáp Cầu và công ty Việt Pacific Clothing)*”; Nguyễn Văn Thùy Anh (2014), “*Đào tạo và phát triển công nhân kỹ thuật trong các doanh nghiệp dệt may Hà Nội*”; Nguyễn Văn Huy (2021), “*Hiệu quả kinh tế - xã hội của doanh nghiệp dệt may ở tỉnh Nam Định*”; Bùi Thị Thu Hà (2021), “*Nghiên cứu đối thoại xã hội trong quan hệ lao động tại các doanh nghiệp may ở Việt Nam*”; Nguyễn Thị Lan Hương (2022), “*Thực trạng bữa ăn ca công nhân dệt may một số tỉnh phía Bắc và hiệu quả cải thiện khẩu phần tại thành phố Hải Dương*”; Khalid Nadvi và cộng sự (2004), “*Vietnam in the global garment and textile value chain: impacts on firms and workers*” (*Việt Nam trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu: tác động đến doanh nghiệp và người lao động*); Nahida Afroz, Deluar J. Moloy and Zakir Hossain (2018), *Socio-economic status and influencing factors of wage discrepancy among ready-made garment workers in Bangladesh: Evidence from Dhaka city* (*Tình hình kinh tế - xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến sự chênh lệch tiền lương giữa công nhân may mặc tại Bangladesh: Bằng chứng từ thành phố Dhaka*); Hoang Thanh Tung và cộng sự (2019), “*The Factors Impact on Employee Satisfaction in Work at Vietnamese Garment Enterprises*” (*Những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của công nhân khi làm việc tại các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam*).

1.1.3.2. Nghiên cứu về thực trạng và giải pháp thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may

Về thực trạng và giải pháp thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may tiêu biểu có các công trình nghiên cứu của các tác giả như: Nguyễn Đình Dũng (2001), “*Nghiên cứu môi trường, điều kiện làm việc gây nguy cơ đến sức khỏe công nhân và đáp ứng dịch vụ y tế trong ngành dệt sợi*”; Vũ Văn Khang (2002), “*Hoàn thiện cơ chế trả lương cho người lao động ở các doanh nghiệp thuộc ngành dệt may ở Việt Nam*”; Nguyễn Thị Bích Thu (2008), “*Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của công nghiệp dệt may Việt Nam*”; Nguyễn Giang Long (2019), “*Thực trạng viêm mũi dị ứng do dị nguyên bụi bông ở công nhân dệt may Nam Định cũ và kết quả giải pháp can thiệp*”; Oxfarm Việt Nam & Viện Nghiên cứu Công nhân và công đoàn (2019), “*Báo cáo Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiên cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu Việt Nam*”; International Labour Organization (2019), “*The future of work in textiles, clothing, leather and footwear*” (*Tương lai của công việc trong ngành dệt may, quần áo, da và giày dép*); John Thoburn Kirsten Sutherland & Nguyen Thi Hoa (2007), “*Globalization and Poverty: Impacts on Households of Employment and Restructuring in the Textiles Industry of Vietnam*” (*Toàn cầu hóa và đói nghèo: Tác động đến hộ gia đình về việc làm và tái cơ cấu trong ngành dệt may Việt Nam*); Anne Cox (2015), “*The pressure of wildcat strikes on the transformation of industrial relations in a developing country: The case of the garment and textile industry in Vietnam*” (*Áp lực của các cuộc đình công tự phát đối với sự chuyển đổi quan hệ lao động trong nhóm các quốc gia đang phát triển: Trường hợp của dệt may tại Việt Nam*); Paul M. Barrett and Dorothee Baumann-Pauly (2015), “*Made in Vietnam: Labor Rights Violations in Vietnam's Export Manufacturing Sector*” (*Made in Vietnam: Sự xâm phạm quyền lao động trong lĩnh vực sản xuất phục vụ xuất khẩu tại Việt Nam*); Nguyễn Thị Thủy, Trần Chí Hiếu (2023), “*Quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp dệt may: Trường hợp nghiên cứu tại Tổng công ty may 10 - Công ty cổ phần*”.

1.1.3.3. Nghiên cứu về trách nhiệm xã hội của công ty dệt may đối với người lao động

Nghiên cứu về trách nhiệm xã hội của công ty dệt may đối với người lao động tiêu biểu có các công trình của các tác giả như: Vũ Thị Bích Ngọc (2018), “*Quan hệ lao động trong doanh nghiệp dệt may trên địa bàn Hưng Yên hiện nay (Nghiên cứu trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn May Minh Anh, công ty trách nhiệm hữu hạn CJ.Union Vina)*”; Phạm Việt Thắng (2018), “*Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) đối*

với người lao động trong các doanh nghiệp dệt may tại Việt Nam”; Đinh Thị Hương (2019), “Trách nhiệm xã hội đối với người lao động của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam”; Phan Thị Thu Hiền (2019), “Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tới hiệu quả tài chính trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam”; Vũ Văn Hoán (2021), “Trách nhiệm xã hội của tổng công ty nhà nước ở Việt Nam: Nghiên cứu điển hình tập đoàn dệt may Việt Nam”; Đỗ Thị Tươi (2022), “Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp dệt may đối với người lao động trong bối cảnh Covid-19: Tiếp cận từ hệ thống thù lao”.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.2.1.1. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến lợi ích kinh tế

Các công trình nghiên cứu về lợi ích kinh tế được tiếp cận dưới các khoa học chuyên ngành khác nhau nhưng đã đề cập tới một số nội dung chủ yếu như sau:

Thứ nhất: Lợi ích kinh tế là lợi ích vật chất, phát sinh từ nhu cầu kinh tế và phản ánh các mối quan hệ xã hội. Lợi ích kinh tế là động lực chủ yếu thúc đẩy các chủ thể tham gia vào các hoạt động kinh tế nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất của mình và là điều kiện tiên quyết để thực hiện các lợi ích khác của con người.

Thứ hai: Các công trình nghiên cứu đều thống nhất cho rằng lợi ích kinh tế là phạm trù khách quan, hình thức biểu hiện của quan hệ sản xuất và được thể hiện trong các giai đoạn của quá trình tái sản xuất xã hội.

Thứ ba: Đa số các công trình đều khẳng định lợi ích kinh tế là một phạm trù lịch sử, ở mỗi chế độ xã hội khác nhau sẽ tồn tại hệ thống lợi ích kinh tế khác nhau.

1.2.1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp

Các công trình nghiên cứu về lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp rất đa dạng và đã đề cập tới một số nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất: Các công trình thống nhất rằng lợi ích kinh tế của người lao động bao gồm thu nhập, việc làm, bảo hiểm, an toàn lao động và hỗ trợ nhà ở. Các yếu tố ảnh hưởng là chính sách, pháp luật của Nhà nước, vị trí người lao động trong sản xuất và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ hai: Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng lợi ích kinh tế đóng là động lực thúc đẩy người lao động tham gia các hoạt động kinh tế.

Thứ ba: Các nghiên cứu mặc dù tiếp cận dưới góc độ khác nhau nhưng đều đã làm rõ thực trạng lợi ích kinh tế của người lao động trong các doanh nghiệp.

Thứ tư: Các công trình đã thống nhất giải pháp nâng cao lợi ích kinh tế cho người lao động, gồm có: Hoàn thiện chính sách, nâng cao nhận thức pháp luật, cải thiện kỹ năng và tác phong công nghiệp, tăng cường vai trò của tổ chức công đoàn và cân đối lợi ích giữa doanh nghiệp với người lao động.

1.2.1.3. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may

Các công trình nghiên cứu được tiếp cận từ nhiều góc độ khoa học khác nhau, nhưng qua tổng quan có thể nhận thấy rằng các nghiên cứu mới chỉ đề cập đến một số khía cạnh nhất định về thực trạng, giải pháp nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may. Cụ thể là:

Thứ nhất: Các nghiên cứu đã thống nhất chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp dệt may như hội nhập kinh tế quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vốn FDI, trình độ của người lao động, quy mô tài chính của doanh nghiệp và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ hai: Đa số các nghiên cứu mới chỉ dừng lại phân tích một số nội dung thực trạng lợi ích kinh tế của

người lao động trong các doanh nghiệp dệt may. Một bộ người lao động không được thực hiện hài hòa về lợi ích dẫn tới mâu thuẫn, xung đột trong quan hệ lợi ích và gia tăng tỷ lệ mắc bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động.

Thứ ba: Một số công trình đề cập tới một số giải pháp cụ thể nhằm thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may như nâng cao ý thức, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kết quả sản xuất kinh doanh và tăng cường vai trò của tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp dệt may.

Thứ tư: Một số nghiên cứu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp dệt may chủ yếu phân tích quá trình thực hiện lợi ích kinh tế cho người lao động mà chưa bàn sâu dưới góc độ lý luận. Các nghiên cứu chỉ tập trung vào một số lợi ích như tiền lương, phúc lợi, an toàn lao động, bảo hiểm và đào tạo chuyên môn.

1.2.2. Khái quát những vấn đề liên quan đến đề tài luận án cần phải tập trung nghiên cứu

*** Về lý luận**

Thứ nhất: Khái niệm lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty còn nhiều quan điểm khác nhau và chưa làm rõ nội hàm khái niệm dưới góc độ của Kinh tế chính trị học. Trong đó, chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu đề cập tới khái niệm, đặc điểm, vai trò về lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may.

Thứ hai: Các công trình nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở phân tích một số lát cắt về nội dung lợi ích kinh tế và chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về nội dung cũng như tiêu chí đánh giá lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may.

Thứ ba: Các công trình nghiên cứu vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau và chưa đề cập một cách đầy đủ về nhân tố khách quan, chủ quan có ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may.

*** Về thực tiễn**

Các nghiên cứu đã công bố mới chỉ đề cập tới một số khía cạnh thực tiễn về lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may. Tính đến hiện nay, chưa có nghiên cứu nào tiếp cận dưới góc độ của khoa học Kinh tế chính trị để phân tích, đánh giá thực trạng một cách toàn diện về lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may trên phạm vi cấp quốc gia cũng như trên địa bàn cấp tỉnh/thành phố.

1.2.3. Khoảng trống và hướng nghiên cứu mới của đề tài luận án

Từ tổng quan các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, việc nghiên cứu lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may góp phần lấp đầy “khoảng trống” mà các công trình nghiên cứu trước đây chưa đề cập tới hoặc có đề cập nhưng chưa đầy đủ và toàn diện. Cụ thể là:

- Làm rõ hơn những vấn đề lý luận về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may.

- Làm rõ kinh nghiệm thực hiện lợi ích kinh tế ở một số tỉnh, thành phố trong và ngoài nước có trình độ phát triển ngành dệt may tương đồng với tỉnh Ninh Bình.

- Làm rõ thực trạng lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình, chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế, lý giải nguyên nhân dẫn đến hạn chế.

- Dự báo xu hướng phát triển của dệt may thế giới và Việt Nam và lợi ích kinh tế của người lao động trong các dệt may trong tương lai. Từ đó, đề xuất quan điểm, giải pháp cụ thể, thực chất và khả thi gắn với từng chủ thể có chức năng, nhiệm vụ và vai trò khác nhau trong thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Vì vậy, nghiên cứu “*Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình*” được lựa chọn là một đề tài mới, có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, không trùng lặp với các nghiên cứu đã được công bố trước đây.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC HIỆN LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY DỆT MAY

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY DỆT MAY

2.1.1. Khái niệm lợi ích kinh tế

2.1.1.1. *Quan điểm trước C.Mác về lợi ích kinh tế*

Lợi ích kinh tế có vai trò quan trọng nhưng phức tạp trong xã hội, phản ánh mối quan hệ giữa các chủ thể trong việc đáp ứng nhu cầu kinh tế. Trước C.Mác, các trường phái kinh tế như Trọng Thương, Trọng Nông và Kinh tế chính trị Tư sản cổ điển đã đóng góp xây dựng lý luận về lợi ích kinh tế nhưng chủ yếu bảo vệ lợi ích của giai tầng sở hữu tư liệu sản xuất, ít quan tâm đến lợi ích của người lao động.

2.1.1.2. *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về lợi ích kinh tế*

Kế thừa lý luận của các trường phái kinh tế trước, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin đã xây dựng lý luận về lợi ích kinh tế. Trong đó, lợi ích kinh tế là biểu hiện của quan hệ sản xuất, bắt nguồn từ nhu cầu con người. Lợi ích kinh tế là thành quả vật chất mà con người đạt được thông qua hoạt động sản xuất xã hội và có vai trò động lực quan trọng trong xây dựng xã hội XHCN.

2.1.1.3. *Quan điểm của các trường phái và học giả tiêu biểu khác về lợi ích kinh tế*

Quan niệm về lợi ích kinh tế của các trường phái kinh tế và học giả tiêu biểu khác đều thống nhất cho rằng lợi ích kinh tế là phạm trù khách quan, phản ánh quan hệ xã hội. Nhu cầu kinh tế của con người là nguồn gốc của lợi ích kinh tế, biểu hiện thông qua thu nhập và các điều kiện vật chất duy trì sự tồn tại và phát triển của con người.

2.1.2. Khái niệm lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty và lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may

2.1.2.1. *Khái niệm lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty*

Lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty là lợi ích vật chất phản ánh nhu cầu kinh tế khách quan của người lao động khi tham gia hoạt động trong lĩnh vực kinh tế và biểu hiện quan hệ xã hội giữa người lao động với chủ sở hữu công ty. Đó là thu nhập, việc làm, tham gia bảo hiểm theo luật định, đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và những hỗ trợ vật chất khác mà người lao động nhận được nhằm duy trì cuộc sống và tái sản xuất sức lao động.

2.1.2.2. *Khái niệm lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may*

Lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may là lợi ích vật chất phản ánh nhu cầu kinh tế khách quan của người lao động khi tham gia sản xuất kinh doanh tại các công ty dệt may và biểu hiện quan hệ xã hội giữa người lao động với chủ sở hữu công ty dệt may. Đó là thu nhập, việc làm, tham gia bảo hiểm theo luật định, đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và những hỗ trợ vật chất khác mà người lao động nhận được nhằm duy trì cuộc sống và tái sản xuất sức lao động.

Như vậy có thể hiểu lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may là:

Thứ nhất: Lợi ích kinh tế của người lao động phản ánh quan hệ xã hội giữa người lao động với chủ sở hữu công ty dệt may;

Thứ hai: Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may là một phạm trù khách quan nhưng được nhận thức thông qua các chủ thể nhất định nên mang dấu ấn chủ quan.

Thứ ba: Hai chủ thể chính trong thực hiện lợi ích kinh tế là chủ sở hữu và người lao động trong công ty dệt may. Ngoài ra, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong bảo đảm và thúc

đây lợi ích kinh tế của người lao động được thực hiện.

2.1.2.3. Phân loại lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may

Căn cứ vào mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, lợi ích kinh tế sẽ được thực hiện phân loại theo các cách sau, cụ thể là:

Thứ nhất, căn cứ vào chuỗi giá trị sản xuất dệt may

Chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu dệt may bao gồm năm công đoạn chính: Thiết kế, sản xuất nguyên phụ liệu, may, xuất khẩu, marketing và phân phối sản phẩm. Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may được phân chia theo từng công đoạn này. Các công đoạn thiết kế, xuất khẩu, marketing và phân phối sản phẩm mang lại nhiều lợi nhuận hơn, vì vậy người lao động có lợi ích kinh tế tốt hơn so với người lao động trong công đoạn sản xuất nguyên phụ liệu và may.

Thứ hai, căn cứ vào quốc tịch của công ty dệt may

Căn cứ vào quốc tịch của công ty dệt may, lợi ích kinh tế được phân chia thành: Lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may tư nhân trong nước và lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may FDI. Theo đó, người lao động trong các công ty có FDI có lợi ích kinh tế tốt hơn do năng suất lao động cao, tham gia vào các công đoạn sản xuất có lợi nhuận lớn trong chuỗi giá trị. Vì vậy, thường có chính sách thu nhập hấp dẫn và môi trường, điều kiện làm việc đảm bảo an toàn.

Thứ ba, căn cứ theo tiêu chí chuyên môn hóa sản xuất

Lợi ích kinh tế của người lao động có thể phân chia thành hai bộ phận: Lao động trong công ty dệt và lao động trong công ty may. Công đoạn dệt bao gồm nhuộm, sản xuất bông, xơ sợi và vải thường thu lợi nhuận lớn hơn so với công đoạn may trong chuỗi giá trị nhưng người lao động phải làm việc trong môi trường độc hại. Do đó, lợi ích kinh tế trong công ty dệt thường được thực hiện tốt hơn cho người lao động so với công ty may.

Thứ tư, dựa vào vị trí việc làm của người lao động

Lợi ích kinh tế của người lao động được phân chia thành: Lợi ích kinh tế của công nhân sản xuất trực tiếp (sơ sợi, dệt, nhuộm, vải, giác sơ đồ, cắt bán thành phẩm, may hoàn tất sản phẩm, cắt chỉ...); lợi ích kinh tế của công nhân đảm bảo chất lượng (bảo đảm chất lượng đầu vào và đầu ra của sản phẩm); lợi ích kinh tế của công nhân hoàn thiện (là ủi, đóng gói, dán nhãn mác); lợi ích kinh tế của công nhân phụ trợ (vệ sinh, bảo vệ, ăn uống); lợi ích kinh tế của công nhân đào tạo hoặc học việc; lợi ích kinh tế của nhân viên văn phòng; lợi ích kinh tế của nhân viên kỹ thuật (vận hành, bảo trì thiết bị máy móc). Lợi ích kinh tế của người lao động ở các vị trí việc làm khác nhau là có sự phân biệt, đặc biệt là về thu nhập.

Thứ năm, dựa vào quy mô sản xuất của các công ty dệt may

Đối với công ty dệt may có quy mô lớn thường có thu nhập hấp dẫn, việc làm ổn định, an toàn, vệ sinh lao động được đảm bảo, thời gian làm việc, nghỉ ngơi hợp lý và được tham gia bảo hiểm đầy đủ. Hơn nữa, người lao động còn được nhận hỗ trợ vật chất khác và được bồi dưỡng nâng cao trình độ. Đối với công ty dệt may có quy mô nhỏ và vừa lợi ích chủ yếu tập trung ở tiền lương, bảo hiểm, tiền làm thêm giờ và một số phúc lợi cơ bản.

Thứ sáu, dựa trên mô hình sản xuất của công ty dệt may

CMT (Cutting - Making - Trimming): Công ty hoạt động theo hình thức gia công, nguyên vật liệu, mẫu thiết kế do khách hàng cung cấp. Lợi nhuận thu được thấp nhất và lợi ích kinh tế của người lao động không được thực hiện đầy đủ.

FOB (Free On Board): Công ty chủ động cung ứng nguyên vật liệu và gia công theo thiết kế của khách hàng, lợi nhuận của công ty và lợi ích kinh tế của người lao động cao hơn so với CMT.

ODM (Original Designed Manufacturer): Công ty tự thực hiện thiết kế, thu mua, sản xuất, đóng gói, vận chuyển mang lại lợi nhuận lớn cho công ty, do đó lợi ích kinh tế của người lao động cao hơn so với CMT, FOB.

OBM (Own Brand Manufacturing): Công ty tự phát triển thương hiệu, đảm nhận sản xuất và phân phối sản phẩm trực tiếp ra thị trường, thu được lợi nhuận cao nhất và đảm bảo mức lợi ích kinh tế tốt nhất cho người lao động.

2.1.3. Đặc điểm lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may

Thứ nhất: Lợi ích kinh tế có xu hướng bình quân thấp và chênh lệch giữa những người lao động.

Thứ hai: Lợi ích kinh tế của người lao động đa dạng và thường xuất hiện mâu thuẫn về lợi ích với chủ sở hữu công ty dệt may.

Thứ ba: Lợi ích kinh tế của người lao động chịu chi phối bởi mức độ tham gia vào chuỗi giá trị và tính thời vụ trong sản xuất dệt may.

2.1.4. Vai trò lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may

Thứ nhất: Lợi ích kinh tế của người lao động là động lực trực tiếp thúc đẩy sản xuất phát triển góp phần gia tăng lợi ích kinh tế cho công ty dệt may

Thứ hai: Lợi ích kinh tế góp phần gắn bó người lao động với chủ sở hữu công ty dệt may và thực hiện các lợi ích khác

Thứ ba: Lợi ích kinh tế là điều kiện vật chất quan trọng để tái sản xuất sức lao động, góp phần nâng cao vị thế của lao động trong gia đình và xã hội

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY DỆT MAY

2.2.1. Nội dung lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may

2.2.1.1. Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện thu nhập

* Tiền lương

Tiền lương của người lao động được các công ty dệt may chi trả dưới hai hình thức theo thời gian và theo sản phẩm. Cách tính tiền lương trả theo thời gian được áp dụng phổ biến trong ngành dệt may là:

$$\text{Tiền lương theo thời gian} = \text{Lương cơ bản} : \frac{\text{Số giờ làm việc tiêu chuẩn}}{\text{Số giờ người lao động không làm sản phẩm}} \times \text{Số giờ người lao động không làm sản phẩm}$$

Tiền lương trả theo sản phẩm được sử dụng phổ biến trong ngành dệt may và được tính theo công thức:

$$\text{Tiền lương sản phẩm} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm}}{\text{Số lượng sản phẩm}} \times \text{Đơn giá sản phẩm}$$

Hoặc

$$\text{Tiền lương sản phẩm} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm}}{\text{Số lượng sản phẩm}} \times \text{Số giây định mức} \times \text{Đơn giá giây}$$

Về cơ cấu của tiền lương theo thời gian bao gồm các bộ phận sau: Lương cơ bản, phụ cấp lương, thưởng, hỗ trợ và lương tăng ca (nếu có). Cụ thể là:

Tiền lương cơ bản:

Tiền lương cơ bản là mức lương được thỏa thuận giữa người lao động và chủ sở hữu công ty dệt may được xác lập trong hợp đồng lao động. Tiền lương cơ bản trong ngành dệt may được trả thấp, thông thường được tính như sau:

$$\text{Tiền lương cơ bản} = \text{Lương tối thiểu vùng} + 5\% \text{ phụ cấp đào tạo} + 7\% \text{ phụ cấp độc hại}$$

Phụ cấp lương: Là một bộ phận cấu thành cơ bản của tiền lương, là phần bổ sung mà chủ sở hữu công ty dệt may trả cho người lao động khi họ đảm nhận công việc có trách nhiệm cao hoặc điều kiện đặc thù của công việc.

Tiền thưởng: Là một bộ phận cấu thành cơ bản của tiền lương được chủ sở hữu công ty dệt may trả cho người lao động nhằm ghi nhận, khích lệ các thành tích, nỗ lực đạt được trong lao động sản xuất.

Hỗ trợ: Là khoản thu nhập bằng tiền mà công ty dệt may bổ sung cho người lao động và chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu tiền lương.

Tiền lương tăng ca (nếu có): Là số tiền mà người lao động được nhận do làm việc ngoài thời gian quy định.

Tóm lại, tiền lương là lợi ích kinh tế cơ bản của người lao động và luôn được quan tâm bởi công ty dệt may và người lao động.

*** Trợ cấp**

Trợ cấp là một khoản thu nhập không thường xuyên mà người lao động nhận được khi tham gia vào hoạt động kinh doanh và sản xuất. Khoản trợ cấp này có thể được chi trả từ hai nguồn chính: Cơ quan BHXH và chủ sở hữu công ty dệt may.

*** Phúc lợi**

Khi tham gia lao động sản xuất tại các công ty dệt may, người lao động còn nhận được một khoản thu nhập bằng tiền từ quỹ phúc lợi và nguồn gốc của quỹ này được trích từ lợi nhuận của công ty dệt may. Mục đích của quỹ phúc lợi nhằm khuyến khích, động viên và cải thiện mức sống của người lao động.

2.2.1.2. Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện tham gia bảo hiểm theo luật định

Tham gia bảo hiểm là lợi ích kinh tế hợp pháp của người lao động. Theo luật định người lao động dệt may có quyền tham gia bảo hiểm BHXH, BHYT, BHTN. Kinh phí đóng bảo hiểm được trích nộp từ lương của người lao động và kinh phí của công ty dệt may theo quy định của pháp luật. Khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN người lao động có được các quyền lợi như chế độ thai sản, ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất và các quyền lợi khác.

2.2.1.3. Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện việc làm và an toàn, vệ sinh lao động

*** Việc làm**

Việc làm là hoạt động kinh tế mang lại thu nhập và các lợi ích vật chất khác cho người lao động. Lợi ích của người lao động không chỉ có việc làm mà còn có nhu cầu việc ổn định trong công việc. Việc làm ổn định có đặc trưng là thu nhập đều đặn, hợp đồng lao động không xác định thời gian, người lao động được tham gia bảo hiểm theo luật định và ít bị ảnh hưởng bởi những biến động kinh tế - xã hội.

*** An toàn, vệ sinh lao động**

An toàn, vệ sinh lao động là các giải pháp phòng ngừa các yếu tố nguy hiểm, nguy hại đối với người lao động nhằm bảo đảm không xảy ra tử vong, tai nạn lao động dẫn đến thương tật và suy giảm sức khỏe trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nội dung của an toàn, vệ sinh lao động trong công ty dệt may là người lao động phải được bảo hộ lao động, huấn luyện về an toàn trong sản xuất, phòng cháy chữa cháy, thực hiện quan trắc môi trường và khám sức khỏe định kỳ. Qua đó, tạo ra môi trường lao động tích cực, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần giảm chi phí sản xuất và thể hiện trách nhiệm xã hội của công ty dệt may đối với người lao động.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may

2.2.2.1. Tiêu chí đánh giá lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện thu nhập

*** Tiêu chí định tính**

Tiêu chí định tính để đánh giá lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện thu nhập là người lao động được nhận đầy đủ thu nhập như tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, phúc

lợi và các hỗ trợ khác khi tham gia sản xuất kinh doanh tại các công ty dệt may. Ngoài ra, thu nhập có ổn định, đảm bảo đời sống sinh hoạt cơ bản và người lao động hài lòng về mức thu nhập hay không?

*** Tiêu chí định lượng**

Tiêu chí định lượng để đánh giá về thu nhập của người lao động trong các công ty dệt may được xác định qua mức thu nhập trung bình của người lao động.

$$\text{Thu nhập trung bình} = \frac{\text{Tổng số tiền chi trả cho người lao động}}{\text{Tổng số lao động}}$$

Ngoài ra, so sánh mức thu nhập trung bình của người lao động trong các công ty dệt may với tiền lương tối thiểu và mức thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành (11.000.000 đồng/tháng) và mức lương đủ sống của AFWA tính cho người lao động dệt may Việt Nam hiện nay (12.400.000 đồng/tháng). Nếu thấp hơn có nghĩa là thu nhập chỉ đủ trang trải các chi phí cơ bản của cuộc sống, ngược lại cao hơn phản ánh thu nhập của người lao động trong các công ty dệt may đã thoát khỏi khu vực thu nhập thấp.

Mặt khác, cần phải so sánh mức thu nhập của người lao động trong các công ty dệt may với thu nhập trung bình của người lao động dệt may cả nước và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Trên cơ sở đó, đánh giá thu nhập cao hay thấp, có tương xứng với đóng góp của người lao động và đảm bảo đời sống hay không? Hơn nữa, cần phải căn cứ vào tốc độ tăng trưởng thu nhập của người lao động qua các năm. Nếu tốc độ tăng trưởng thu nhập cao và tăng đều hàng năm đồng nghĩa với đó là người lao động gia tăng thu nhập. Nếu như tốc độ tăng trưởng thu nhập không đều giữa các năm có nghĩa là thu nhập giảm hoặc thiếu ổn định.

2.2.2.2. Tiêu chí đánh giá lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện tham gia bảo hiểm theo luật định, việc làm và an toàn, vệ sinh lao động

** Tiêu chí đánh giá lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may về phương diện tham gia bảo hiểm theo luật định*

Tiêu chí định tính để đánh giá lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may về phương diện tham gia bảo hiểm theo luật định căn cứ vào việc các công ty dệt may có thực hiện nghĩa vụ đầy đủ và đúng hạn các loại hình bảo hiểm theo luật định và mức lương đóng bảo hiểm là mức lương thực tế được nhận của người lao động. Ngoài ra, còn căn cứ vào thực trạng thực hiện pháp luật về bảo hiểm và mức độ hỗ trợ của công ty dệt may về các thủ tục liên quan đến bảo hiểm để người lao động được thụ hưởng chế độ.

Tiêu chí định lượng là căn cứ vào số lượng người lao động tham gia bảo hiểm theo luật định và báo cáo thường niên của cơ quan BHXH về tình hình nộp BHXH, BHYT, BHTN của các công ty dệt may.

** Tiêu chí đánh giá lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may về phương diện việc làm*

Tiêu chí định tính để đánh giá là việc làm phải ổn định và lâu dài. Khả năng duy trì việc làm của công ty dệt may trước những biến động kinh tế - xã hội. Người lao động có chuyển dịch việc làm sang các ngành nghề, lĩnh vực khác không? Sự hài lòng của người lao động về việc làm, sự cam kết về việc làm ổn định của công ty dệt may thông qua việc ký kết hợp đồng lao động đối với người lao động.

Tiêu chí định lượng để đánh giá việc làm là người lao động được ký kết hợp đồng lao động không xác định thời gian. Tiêu chí việc làm ổn định được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa số lượng người lao động được ký hợp đồng lao động không xác định thời gian trên tổng số lao động. Tỷ lệ này càng cao phản ánh mức độ ổn định của việc làm và khả năng duy trì việc làm của công ty dệt may.

$$\text{Việc làm ổn định} = \frac{\text{Số lượng lao động được ký hợp đồng không xác định thời gian}}{\text{Tổng số lao động}} \times 100\%$$

Tỷ lệ này thấp phản ánh mức độ không ổn định, lâu dài của việc làm, có nghĩa là người lao động chủ yếu được kí kết hợp đồng lao động thời vụ hoặc hợp đồng xác định thời gian. Ngoài ra, còn căn cứ vào số lượng người lao động có thâm niên và nghỉ việc trong các công ty dệt may.

*** Tiêu chí đánh giá lợi ích ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may về phương diện an toàn, vệ sinh lao động**

Tiêu chí định tính đánh giá về an toàn, vệ sinh lao động là người lao động được đảm bảo an toàn trong sản xuất. Người lao động có được tập huấn an toàn lao động và được bảo hộ lao động. Không gian làm việc phải đáp ứng các yêu cầu an toàn về kết cấu, thiết kế, ánh sáng, thông gió và nhiệt độ. Các yếu tố nguy hiểm, nguy hại ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động được kiểm soát chặt chẽ... Thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý và người lao động không phải tăng ca thường xuyên.

Tiêu chí định lượng để đánh giá về an toàn, vệ sinh lao động trong các công ty dệt may căn cứ vào số lần thực hiện quan trắc môi trường trong năm. Số lượng lao động được bảo hộ lao động, số lần trong năm khám sức khỏe định kỳ, số vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng năm, số lớp, số lượng, kinh phí chi cho tập huấn an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy... Đánh giá mức độ hài lòng của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động tại công ty dệt may.

2.2.2.3. Tiêu chí đánh giá mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế của người lao động với lợi ích kinh tế công ty dệt may

*** Tiêu chí định tính**

Tiêu chí định tính đánh giá là người lao động có được thực hiện đầy đủ và nâng cao lợi ích kinh tế khi công ty dệt may gia tăng doanh thu, lợi nhuận. Lợi ích kinh tế có tương xứng với năng suất, giá trị sức lao động do người lao động tạo ra. Khi các công ty dệt may giảm doanh thu, lợi nhuận, người lao động có bị giảm lương, nợ lương và mất việc làm.

*** Tiêu chí định lượng**

Tiêu chí định lượng đánh giá mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế của người lao động với lợi ích của công ty dệt may có thể căn cứ vào tốc độ tăng trưởng thu nhập của người lao động với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của công ty dệt may.

$$L = \frac{\text{Tốc độ tăng trưởng thu nhập của người lao động (\%)}}{\text{Tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận của công ty (\%)}} \times 100\%$$

L là tỷ lệ thụ hưởng lợi ích kinh tế của người lao động so với lợi nhuận đạt được của công ty dệt may. Chỉ số L cao hơn hoặc bằng 100% phản ánh người lao động được nhận phần lớn lợi ích từ kết quả kinh doanh của công ty. Ngược lại, dưới 100% phản ánh người lao động nhận được ít hơn lợi ích từ kết quả kinh doanh của công ty. Ngoài ra, tỷ lệ giữa chi phí cho lao động và doanh thu của công ty dệt may phản ánh cơ bản mức độ thụ hưởng lợi ích kinh tế của người lao động. Nếu như tỷ lệ này từ 25% trở lên phản ánh công ty dệt may chi phí nhiều cho lao động. Tỷ lệ này dưới 25% phản ánh công ty dệt may chi phí ít cho lao động.

$$\text{Tỷ lệ chi phí lao động trên doanh thu} = \frac{\text{Tổng chi phí lao động}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100\%$$

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may

2.2.3.1. Nhóm nhân tố khách quan

Một là: Trình độ phát triển của nền kinh tế - xã hội;

Hai là: Vai trò của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội;

Ba là: Hội nhập kinh tế quốc tế;

Bốn là: Thị trường sức lao động;

Năm là: Biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của các đại dịch bệnh.

2.2.3.2. Nhóm nhân tố chủ quan

Một là: Nhân tố thuộc về công ty dệt may

Hai là: Nhân tố thuộc về người lao động

2.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC VỀ THỰC HIỆN LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY VÀ BÀI HỌC RÚT RA

2.3.1. Kinh nghiệm quốc tế về thực hiện lợi ích kinh tế cho người lao động trong các công ty dệt may

2.3.1.1. Kinh nghiệm của tỉnh Chiết Giang - Trung Quốc

2.3.1.2. Kinh nghiệm của Thành phố Dhaka - Bangladesh

2.3.2. Kinh nghiệm trong nước về thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may

2.3.2.1. Kinh nghiệm của tỉnh Hưng Yên

2.3.2.2. Kinh nghiệm của tỉnh Thái Bình

2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Ninh Bình

Một là: Chính quyền các cấp cần phải quan tâm tới lợi ích kinh tế cho người lao động thông qua việc điều chỉnh chính sách, pháp luật, thanh tra, kiểm tra, phát hiện và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, xung đột về lợi ích.

Hai là: Các công ty dệt may cần phải chủ động nâng cao thu nhập, cải thiện an toàn, vệ sinh lao động, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động.

Ba là: Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn dệt may và nâng cao nhận thức của các chủ thể liên quan đến việc thực hiện lợi ích kinh tế cho người lao động.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH

3.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình

Do việc sáp nhập ba tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Hà Nam lấy tên thành tỉnh Ninh Bình nên các số liệu thống kê của tỉnh Ninh Bình mới hiện nay chưa được cập nhật. Trong khi phạm vi nghiên cứu của luận án được giới hạn trên địa bàn tỉnh Nam Định cũ giai đoạn 2012 - 2024, vì vậy, nội dung chương 3 của luận án chỉ tập trung làm rõ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Nam Định cũ có ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may.

3.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Nam Định nằm ở phía Nam đồng bằng sông Hồng, giáp các tỉnh Ninh Bình, Thái Bình, Hà Nam (hiện nay là tỉnh Ninh Bình và Hưng Yên) và biển Đông. Diện tích 1.668,8 km², địa hình đồng bằng, bờ biển dài 72 km. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình 23-24°C, độ ẩm 80-85%, thường chịu 4-6 cơn bão/năm.

3.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh giai đoạn 2012 - 2022 đạt 6,97% cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước là 6%. Từ năm 2023 và 2024 tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh có sự bứt phá lần lượt đạt 10,19% và 10,01%. Năm 2024 năng suất lao động của tỉnh đạt 106 triệu đồng/lao động tăng 3,15 lần so với năm 2012 nhưng vẫn thấp hơn so với năng suất lao động của cả nước. Kinh tế tỉnh dựa trên nông nghiệp (cây lúa, thủy sản, chăn nuôi), công nghiệp (dệt may, cơ khí, vật liệu xây dựng) và dịch vụ (thương mại, du lịch, vận tải). Năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 17,70%; khu vực công nghiệp

và xây dựng 43,50%; khu vực dịch vụ 35,68%; thuê sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,12%. Giai đoạn 2011-2020, tỉnh thu hút 233.814 tỷ đồng vốn đầu tư (45,5% GRDP), tỷ trọng vốn đầu tư của Nhà nước là 25,93%, vốn tư nhân đạt 64,19% và vốn FDI chỉ chiếm 9,88%. Năm 2024, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 62.420 tỷ đồng, tăng 18,0% so với năm 2023. Tính đến nay, tỉnh có 10 khu công nghiệp, trong đó 6 khu đã thành lập gồm Hòa Xá, Bảo Minh, Mỹ Trung, Dệt may Rạng Đông, Mỹ Thuận và Bảo Minh mở rộng.

Tính đến năm 2024, tổng dân số của tỉnh ước đạt 1.894.204 người. Trong đó, dân số thành thị có 387.968 người, chiếm 20,5%, còn dân số nông thôn là 1.506.236 người, chiếm 79,5%. Cơ cấu giới tính gồm 928.155 nam giới (chiếm 49,0%) và 966.049 nữ giới (chiếm 51,0%). Về lao động từ 15 tuổi trở lên, số người tham gia lao động là 1.069.200 người, chiếm 56,4% tổng dân số. Tỉnh có 4 trường đại học (23.047 sinh viên), 7 trường cao đẳng (1.144 sinh viên) và 5 trường trung cấp (10.664 học sinh). Quy mô, chất lượng đào tạo ngày càng cải thiện, nâng cao năng suất lao động. Trên địa bàn tỉnh có nhiều cơ sở đào tạo dệt may như Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, Cao đẳng Công nghiệp Nam Định, Cao đẳng Dệt may Nam Định, Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định, đáp ứng nhu cầu nhân lực, tạo lợi thế phát triển ngành dệt may.

3.1.2. Tình hình hoạt động của các công ty dệt may

3.1.2.1. Lịch sử hình thành, phát triển của ngành dệt may

Tỉnh có truyền thống dệt vải lâu đời, từng là trung tâm dệt may cả nước thời kỳ Pháp thuộc và giai đoạn 1954-1985. Sau đổi mới, ngành dệt may tiếp tục phát triển, đóng vai trò quan trọng trong kinh tế - xã hội. Hiện nay, số lượng các công ty dệt may ngày càng gia tăng, toàn tỉnh có 422 công ty (dệt là 141, may là 281). Số lượng công ty dệt may thuộc khu vực nhà nước là 04 công ty, thuộc khu vực kinh tế tư nhân là 342 công ty và thuộc khu vực vốn FDI là 49 công ty. Về quy mô, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 91,1% chủ yếu sản xuất các sản phẩm như: sợi, hoàn thiện sản phẩm dệt, sản xuất hàng dệt sẵn, vải dệt kim, vải đan móc, vải không dệt, sản xuất vải dệt thoi, sản xuất hàng may sẵn, may trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, bán buôn, bán lẻ vải, sợi, quần áo...

3.1.2.2. Lực lượng lao động làm việc trong các công ty dệt may

Dệt may là ngành công nghiệp được quan tâm đầu tư phát triển ở trên địa bàn tỉnh, vì vậy số lượng lao động là rất lớn. Năm 2012 số lao động dệt may là 109.196 người đến năm 2022 đạt 133.519 người tăng 22,27%. Lao động chủ yếu chưa qua đào tạo, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp còn hạn chế.

3.1.2.3. Kết quả sản xuất kinh doanh

Số lượng, quy mô sản xuất, năng lực cạnh tranh, tốc độ tăng trưởng, doanh thu, lợi nhuận và lực lượng lao động không ngừng được tăng lên. Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành dệt may của tỉnh trong giai đoạn 2012 - 2024 đạt 11,21% nhưng không đều. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành dệt thấp hơn so với ngành may, cụ thể ngành dệt đạt 9,37%, trong khi ngành may đạt 13,06%. Tuy nhiên, đa số các công ty dệt may trên địa bàn tỉnh chủ yếu nhỏ và vừa, năng suất lao động thấp và chủ yếu tham gia vào các công đoạn giản đơn trong chuỗi giá trị.

3.1.3. Những thuận lợi, khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty dệt may trên địa bàn tỉnh có ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người lao động

3.1.3.1. Thuận lợi

3.1.3.2. Khó khăn

3.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 2012 - 2022

3.2.1. Tình hình lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện thu nhập

3.2.1.1. Thu nhập biểu hiện dưới hình thức tiền lương

Trong giai đoạn 2012 - 2022, tiền lương cơ bản của người lao động trong các công ty dệt may của tỉnh được trả cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng. Tính đến năm 2022, mức lương trung bình của người lao động đạt 9,7 triệu đồng/tháng và cao hơn thu nhập bình quân đầu người/tháng của toàn tỉnh (5,1 triệu đồng) là 1,9 lần nhưng khoảng cách này có xu hướng thu hẹp lại. Tiền lương của người lao động tăng một phần là do năng suất lao động được cải thiện và do Nhà nước điều chỉnh tăng lương tối thiểu vùng (11 lần). Tuy nhiên, so với tiền lương của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, Thành phố Hà Nội thì tiền lương của người lao động trong các công ty dệt may của tỉnh thấp hơn nhưng không đáng kể. Ngoài ra, tiền lương của người lao động có sự chênh lệch giữa công ty dệt và công ty may; công ty dệt may tư nhân trong nước với công ty dệt may FDI; trình độ đào tạo, độ tuổi, địa vị, vị trí việc làm và các khâu của quá trình sản xuất dệt may...

*** Thu nhập biểu hiện dưới hình thức phụ cấp lương**

Các công ty dệt may trên địa bàn tỉnh đều tăng định mức chi cho phụ cấp để hỗ trợ người lao động nhưng mức tăng không cao, một số công ty thậm chí giữ nguyên định mức hoặc không chi trả phụ cấp. Kết quả điều tra cho thấy có 95,2% người lao động được nhận phụ cấp lương và bình quân phụ cấp đạt 1.073.000 đồng/tháng bằng 11,06% mức lương trung bình. Trong đó, người lao động được hưởng phụ cấp độc hại đạt 69%; phụ cấp thâm niên chiếm 53%; phụ cấp phòng cháy, chữa cháy đạt 92,5%; phụ cấp an toàn, vệ sinh đạt 93,5%; phụ cấp trách nhiệm, kiêm nhiệm chiếm 16%. Tuy nhiên, định mức chi trả phụ cấp có sự chênh lệch giữa các công ty dệt may.

*** Thu nhập biểu hiện dưới hình thức tiền thưởng**

Giai đoạn 2012 - 2022 có 70,4% người lao động nhận được thưởng từ chủ sở hữu công ty dệt may. Trong đó, được thưởng vào ngày Lễ, Tết đạt 68,2%; thưởng do đạt sản lượng chiếm 48%; thưởng chuyên cần làm việc chiếm 44%; thưởng thâm niên 30,4%; thưởng do tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm chiếm 13,6%; thưởng do có sáng kiến phục vụ sản xuất chiếm 12,8%; thưởng do đạt thành tích xuất sắc chiếm 7,43%. Các công ty dệt may trên địa bàn tỉnh có mức thưởng trung bình đạt 681.000 đồng/tháng. Các công ty dệt may FDI có mức trung bình chung thưởng đạt 689.000 đồng/tháng còn các công ty dệt may tư nhân trong nước đạt 673.000 đồng/tháng.

*** Thu nhập biểu hiện dưới hình thức hỗ trợ khác**

Người lao động được nhận hỗ trợ gửi trẻ và nuôi con nhỏ đạt 51,2%; hỗ trợ xăng xe đạt 76,1%; hỗ trợ điện thoại đạt 80%; hỗ trợ trang phục đạt 64,6%; hỗ trợ ăn ca đạt 94,5%; hỗ trợ nắng nóng là 85,5%. Đa số các công ty dệt may đều tăng định mức chi cho các hình thức hỗ trợ. Các công ty dệt may có quy mô sản xuất lớn thường đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ cho người lao động. Ngược lại, những công ty dệt may tư nhân trong nước có quy mô sản xuất nhỏ và vừa mức độ hỗ trợ còn hạn chế.

3.2.1.2. Thu nhập biểu hiện dưới hình thức trợ cấp và phúc lợi

*** Thu nhập biểu hiện dưới hình thức trợ cấp**

Trợ cấp một bộ phận cấu thành thu nhập của người lao động trong các công ty dệt may nhưng không mang tính thường xuyên. Kết quả điều tra giai đoạn 2012 - 2022 có 67,6% người lao động đã từng được nhận trợ cấp. Đa số được nhận trợ cấp từ cơ quan BHXH như: Trợ cấp thai sản (68,3%), ốm đau (64%), tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp (43,6%). Số tiền trợ cấp trung bình mà người lao động nhận được đạt 2.302.000 đồng. Trong đó, các công ty dệt may FDI đạt 2.342.000 đồng, còn các công ty dệt may tư nhân trong nước đạt 2.262.000 đồng.

*** Thu nhập biểu hiện dưới hình thức phúc lợi**

Giai đoạn 2012 - 2022, đa số người lao động được nhận một khoản thu nhập từ phúc lợi từ công ty dệt may. Cụ thể: Thăm hỏi ốm đau đạt 75,6%; thăm viếng hiếu, hỷ gia đình người lao động đạt 70,1%; tặng quà ngày Lễ, Tết và Kỷ niệm ngày thành lập công ty đạt 91,4%; động viên con em học giỏi đạt 42%; thăm quan, nghỉ dưỡng đạt 27,3%. Định mức chi cho từng loại phúc lợi về cơ bản tăng nhưng không đều giữa các công ty dệt may. Tại một số công ty dệt may định mức chi cho phúc lợi lại bị giảm hoặc giữ nguyên.

3.2.2. Tình hình lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện tham gia bảo hiểm theo luật định

Kết quả điều tra tại các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình - Khảo sát ở Nam Định cho thấy có 76,6% người lao động đều được các công ty dệt may thực hiện đầy đủ bảo hiểm theo luật định như BHXH, BHYT, BHTN. Số người lao động không được đóng bảo hiểm chiếm 23,4% chủ yếu làm việc tại các công ty dệt may tư nhân trong nước theo số liệu khảo sát năm 2023. Mặt khác, theo số liệu của cơ quan BHXH tính đến hết ngày 15/11/2023 toàn tỉnh Nam Định cũ có 93 doanh nghiệp chậm đóng bảo hiểm từ 03 tháng trở lên, trong đó có 11 công ty dệt may chiếm 11,8%.

3.2.3. Tình hình lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện việc làm và an toàn, vệ sinh lao động

3.2.3.1. Tình hình lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện việc làm

Trong giai đoạn 2012 - 2022 lực lượng lao động dệt may trên địa bàn tỉnh tăng lên nhanh chóng. Năm 2012 số lao động dệt may đạt 109.196 người đến năm 2022 đạt 133,519 nghìn người tăng 22,27%. Qua đó, cho thấy các công ty dệt may có vai trò rất lớn trong tạo việc làm mới, góp phần ổn định, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Tuy nhiên, số lượng lao động trong các công ty dệt may có nhiều biến động.

Ngoài ra, việc ký kết hợp đồng lao động phản ánh mức độ ổn định của việc làm, thực tế khảo sát có 97,2% người lao động được ký kết hợp đồng lao động và 2,8% không được ký kết tập trung chủ yếu tại các công ty dệt may tư nhân trong nước có quy mô sản xuất nhỏ. Về hình thức ký kết hợp đồng có 55,2% được ký hợp đồng lao động xác định thời gian và 44,8% được ký hợp đồng lao động không xác định thời gian.

3.2.3.2. Tình hình lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may biểu hiện ở phương diện an toàn, vệ sinh lao động

Giai đoạn 2012-2022, các công ty dệt may đã nỗ lực cải thiện an toàn, vệ sinh lao động, với 74% người lao động đánh giá môi trường làm việc thông thoáng, 44% cho rằng cơ sở vật chất hiện đại, 42,7% nhận thấy bố trí khoa học, và 27,1% ghi nhận đổi mới trang thiết bị. Tuy nhiên, một số công ty dệt may vẫn xảy ra tai nạn lao động, với 9,5% lao động cho biết nơi làm việc thường xuyên có tai nạn và phải đối diện với các mối nguy hiểm gồm: vật lý (46,6%), hóa chất (20%), an toàn (17,6%), tư thế làm việc (24,7%), tâm lý (30%) và phân biệt đối xử (4,7%).

Một bộ phận lao động ngành dệt may mắc bệnh nghề nghiệp, chủ yếu là bệnh hô hấp (38,2%), xương khớp (32,5%), da liễu (22%), căng thẳng tâm lý (18,7%) và điếc (8,1%) nhưng chỉ có 40,5% người lao động được khám và điều trị, 22,2% được chuyển công việc phù hợp, và 19% nhận hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh. Tỷ lệ người lao động được khám sức khỏe định kỳ đạt 87,6%. Về thời gian làm việc có 58,6% người lao động làm việc 8 giờ/ngày, 41,4% làm việc trên 8 giờ và trung bình số giờ làm thêm/tháng là 36,9 giờ.

3.3. ĐÁNH GIÁ LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 2012 - 2022

3.3.1. Những kết quả đạt được về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Một là: Thu nhập của đa số người lao động tăng tỷ lệ thuận với lợi nhuận của doanh nghiệp và chất lượng cuộc sống ngày càng được cải thiện.

Hai là: Các công ty dệt may từng bước bảo đảm việc làm ổn định, tạo thêm việc làm mới cho người lao động.

Ba là: Đa số các công ty dệt may đã chủ động từng bước cải thiện an toàn, vệ sinh lao động và thực hiện bảo hiểm theo luật định cho người lao động.

3.3.2. Những hạn chế về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Một là: Thu nhập của một bộ phận người lao động còn thấp, thiếu ổn định mang tính bình quân và chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của công ty dệt may

Hai là: Một bộ phận người lao động chưa được thực hiện bảo hiểm theo luật định, mức đóng thấp, tình trạng nợ đọng bảo hiểm ngày càng gia tăng về số lượng và mức độ phức tạp.

Ba là: Một bộ phận người lao động không có việc làm ổn định, môi trường lao động không đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, chế độ làm việc, nghỉ ngơi chưa phù hợp.

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Một là: Chính sách, pháp luật liên quan tới lợi ích kinh tế của người lao động còn bất cập, mức độ hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền tỉnh đối với các công ty dệt may còn hạn chế.

Hai là: Các tổ chức chính trị - xã hội chưa phát huy tốt vai trò bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động và gặp nhiều khó khăn trong tổ chức hoạt động

Ba là: Ứng dụng KH-CN, tự động hóa sản xuất và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế làm một bộ phận lao động mất việc làm, thu nhập.

Bốn là: Biến đổi khí hậu, đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực tới doanh thu, lợi nhuận của các công ty dệt may và lợi ích kinh tế của người lao động.

3.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một là: Năng lực sản xuất kinh doanh, ý thức chấp hành chính sách, pháp luật và trách nhiệm xã hội của một số công ty dệt may còn chưa cao.

Hai là: Năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật, tác phong công nghiệp và mức độ hiểu biết pháp luật của một bộ phận người lao động còn chưa cao.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HÀI HÒA LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ QUAN ĐIỂM THỰC HIỆN HÀI HÒA LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH

4.1.1. Dự báo xu hướng phát triển của dệt may thế giới và trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

4.1.1.1. Sự phát triển kinh tế thế giới và dệt may toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045

*** Dự báo sự phát triển kinh tế thế giới**

Kinh tế thế giới sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức trong ngắn hạn và tăng trưởng chậm lại. Dự báo lạm phát toàn cầu trong năm 2025 sẽ giảm so với các năm trước nhưng tốc độ và mức độ giảm vẫn chưa rõ ràng và phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác. Thương mại quốc tế trì trệ do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại giữa các quốc gia. Xung đột địa chính trị tiếp tục căng thẳng và ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế thế giới.

*** Dự báo xu hướng phát triển dệt may thế giới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Ngành dệt may đối mặt với thách thức do bất ổn kinh tế, chính trị toàn cầu. Tổng cầu dệt may giảm từ 805 tỷ USD (2021) xuống 760 tỷ USD (2022) và năm 2024 vẫn thấp hơn 2022 khoảng 8%. Tương lai, dệt may phát triển theo xu hướng: Kinh tế xanh, tuần hoàn, số hóa và cạnh tranh khốc liệt giữa các nước sản xuất. Ứng dụng KH-CN như in 3D, AI, IoT, tự động hóa giúp tối ưu sản xuất. Xu hướng thời trang chậm, cá nhân hóa thời trang sẽ phát triển khi ý thức mua sắm của người tiêu dùng chuyển hướng sang ưu tiên chất lượng và giá trị sử dụng lâu dài.

4.1.1.2. Dự báo sự phát triển kinh tế Việt Nam và ngành dệt may đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045

*** Dự báo sự phát triển kinh tế Việt Nam**

Kinh tế Việt Nam dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định, phát triển theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút FDI có chọn lọc. Việt Nam chú trọng chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số và hướng tới kinh tế xanh, tuần hoàn. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với các thách thức như bất ổn kinh tế vĩ mô, lạm phát và trình độ KH - CN chưa cao.

*** Dự báo sự phát triển ngành công nghiệp dệt may của Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045**

Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ngành dệt may Việt Nam sẽ tiếp tục mở rộng xuất khẩu nhờ các FTA và CPTPP. Đầu tư công nghệ hiện đại, chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Các doanh nghiệp dệt may sẽ tích cực chuyển đổi từ mô hình sản xuất CMT sang FOB, ODM, OBM để gia tăng lợi nhuận. Thị trường lao động dệt may thay đổi, nhu cầu lao động có chuyên môn cao tăng nhanh, trong khi lao động phổ thông dần bị thay thế bởi máy móc, tạo áp lực chuyển dịch việc làm sang các ngành khác.

4.1.1.3. Dự báo xu hướng hoàn thiện lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình

Trong tương lai, ngành dệt may Việt Nam nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng, sẽ ứng dụng KH-CN, tự động hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng năng suất, giảm chi phí và cải thiện thu nhập lao động. Nhu cầu nhân lực chất lượng cao tăng mạnh, tạo thêm việc làm mới. Môi trường làm việc an toàn hơn nhờ công nghệ cảnh báo, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về lao động và bền vững. Xu hướng phát triển quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và chủ sở hữu các công ty dệt may trong tương lai vẫn tiếp tục phát triển theo hai xu hướng là vừa mâu thuẫn và vừa hài hòa về lợi ích kinh tế.

4.1.2. Quan điểm thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình

Một là: Thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động cần tuân thủ nguyên tắc hài hòa lợi ích, rủi ro chia sẻ, đồng thời phát huy hơn nữa vai trò của Nhà nước và chính quyền tỉnh Ninh Bình, nhằm đạt được mục tiêu lợi ích chung cho các chủ thể có liên quan.

Hai là: Thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động phải dựa trên hệ thống các quan điểm, chủ trương của Đảng, cùng với chính sách, pháp luật của Nhà nước và xem đây là nhiệm vụ liên tục, lâu dài, đồng thời phải căn cứ vào điều kiện thực tiễn của tỉnh Ninh Bình.

Ba là: Thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động phải theo hướng chuyên sâu, thích ứng với điều kiện thực tiễn của tỉnh Ninh Bình.

Bốn là: Thực hiện lợi ích kinh tế của người lao động trong công ty dệt may phải gắn liền với xây dựng quan hệ lao động bền vững và phát huy hơn nữa vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội.

Năm là: Thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may phải gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế số

4.2. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HÀI HÒA LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY DỆT MAY Ở TỈNH NINH BÌNH

4.2.1. Nhóm giải pháp thuộc về công ty dệt may

Thứ nhất: Nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty dệt may.

Thứ hai: Xây dựng chế độ lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh để tạo động lực làm việc, cống hiến và gắn bó lâu dài giữa người lao động với công ty dệt may.

Thứ ba: Nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật cho chủ sở hữu công ty dệt may.

Thứ tư: Xây dựng, phát triển việc làm bền vững và môi trường, điều kiện làm việc đảm bảo an toàn cho người lao động.

Thứ năm: Xây dựng các kênh thông tin để chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động, phát hiện và xử lý mâu thuẫn, xung đột về lợi ích kinh tế từ sớm, từ xa.

4.2.2. Nhóm giải pháp thuộc về người lao động

Thứ nhất: Nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động.

Thứ hai: Nâng cao hiểu biết pháp luật liên quan đến lợi ích kinh tế của người lao động.

Thứ ba: Nâng cao ý thức kỷ luật, xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp, lan tỏa tinh thần lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ cho người lao động.

4.2.3. Nhóm giải pháp về phía Nhà nước và chính quyền địa phương

Thứ nhất: Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến lợi ích kinh tế của người lao động và công ty dệt may.

Thứ hai: Chính quyền tỉnh Ninh Bình cần kế thừa có chọn lọc các chính sách kinh tế - xã hội đã ban hành trước đây và tích cực xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các chính sách kinh tế - xã hội mới hướng tới mục tiêu gia tăng lợi ích kinh tế cho các công ty dệt may và người lao động

Thứ ba: Tăng cường hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền tỉnh Ninh Bình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty dệt may góp phần thúc đẩy thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế cho người lao động.

Thứ tư: Chính quyền tỉnh Ninh Bình cần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật gây tổn hại đến lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may.

4.2.4. Nhóm giải pháp thuộc về các tổ chức chính trị - xã hội

Thứ nhất: Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn dệt may.

Thứ hai: Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội khác.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài luận án “*Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình*”, nghiên cứu sinh xin rút ra một số kết luận cụ thể như sau:

1. Lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may là vấn đề phức tạp, có nội dung phong phú và ý nghĩa cả về lý luận lẫn thực tiễn. Việc thực hiện hài hòa lợi ích sẽ góp phần thúc đẩy ngành dệt may Ninh Bình phát triển, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, tạo ra sản phẩm giá trị gia tăng cao và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị dệt may toàn cầu.

2. Trên cơ sở vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương Đảng Cộng sản Việt Nam và tiếp nối những kết quả đạt được của các nghiên cứu trước, đề tài luận án đã bổ sung, làm rõ thêm cơ sở lý luận về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may trên địa bàn cấp tỉnh.

3. Luận án làm sáng tỏ tình hình lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình với phạm vi nghiên cứu trên địa bàn của tỉnh Nam Định cũ giai đoạn 2012 - 2022. Từ đó, đưa ra nhận định và đánh giá những kết quả đã được, chỉ ra những hạn chế và lý giải nguyên nhân.

4. Luận án đã dự báo tình hình phát triển của dệt may thế giới và trong nước, xu hướng phát triển lợi ích kinh tế của người lao động dệt may đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Phân tích quan điểm thực hiện hài hòa lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở tỉnh Ninh Bình. Từ đó, Đề xuất các giải pháp có tính khả thi, cụ thể, thực chất và gắn với từng chủ thể có liên quan.

5. Nghiên cứu về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may là một đề tài mới, được thực hiện trong bối cảnh sáp nhập ba tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Hà Nam thành tỉnh Ninh Bình, khiến phạm vi nghiên cứu trở nên rộng hơn. Tuy nhiên, luận án mới chỉ bước đầu làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may trên địa bàn tỉnh Nam Định cũ, dưới góc nhìn Kinh tế chính trị học. Và từ những kết quả ban đầu này, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục mở rộng và phát triển đề tài, để làm sáng tỏ hơn lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may trên phạm vi toàn tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập và trên cả nước.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Như Quảng (2024), “Thực trạng lợi ích kinh tế của công nhân trong các công ty dệt may ở tỉnh Nam Định dưới hình thức thu nhập”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, (263), tr.71-74.

2. Nguyễn Như Quảng (2024), “Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với lợi ích kinh tế của người lao động trong các công ty dệt may ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, (266), tr.67-71.